

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 07-7-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đoàn Thị N, sinh năm 1981;

Cư trú tại: tổ 2, ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: anh Lê Văn S, sinh năm 1976;

Cư trú tại: tổ 2, ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình; vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, anh S nóng nảy có khi anh đánh đập chị. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị xét thấy chị và anh S không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh S;

- Về con chung: chị và anh S có hai con chung là cháu: Lê Trung K, sinh ngày 18/11/2001 và Lê Thị G, sinh ngày 06/10/2003. Cháu Lê Trung K hiện nay đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết; cháu Lê Thị G hiện nay đang sống cùng vợ, chồng. Chị N đồng ý để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, chị không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 04 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Lê Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị N về việc chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh thấy hạnh phúc bình thường. Anh thừa nhận vợ chồng cũng có lúc mâu thuẫn cự cãi nhau, nhưng mâu thuẫn không lớn; anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh thương vợ, con.

- Về con chung: anh và chị N có 02 con chung đúng như lời chị N trình bày. Cháu Lê Trung K hiện nay đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết; cháu Lê Thị G hiện nay đang sống cùng vợ, chồng. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Đoàn Thị N và anh Lê Văn S vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị N với anh Lê Văn S.

Về con chung: Giao anh Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị G, sinh ngày 06/10/2003. Ghi nhận anh Lê Văn S không yêu cầu chị Đoàn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Đoàn Thị N và anh Lê Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;
+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Đoàn Thị N và anh Lê Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị N và anh Lê Văn S.

[2] Về hôn nhân: chị N và anh S tự nguyện chung sống vợ, chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N yêu cầu được ly hôn, anh S không đồng ý. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh S từ năm 2016 trở lại đây thường xuyên cự cãi với nhau nhưng không biết vì nguyên nhân gì; anh S cũng thừa nhận giữa anh và chị N có cự cãi với nhau, anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nhưng chị N và anh S vẫn sống chung trong nhà. Xét thấy chị N không chứng minh được mâu thuẫn giữa chị và anh S là trầm trọng; mặt khác chị N và anh S đều có yêu cầu Tòa án không hỏi nguyện vọng của cháu Lê Thị G muốn sống cùng với ai vì anh, chị sợ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Điều này thể hiện chị N và anh S vẫn còn quan tâm đến gia đình, con cái. Do đó, việc yêu cầu ly hôn của chị N chưa thỏa mãn các qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ.

[3] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết;

[4] Về án phí: chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị N đối với anh Lê Văn S.

2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: không đặt ra giải quyết;

3. Về án phí: chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004986 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Đoàn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đoàn Thị N và anh Lê Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na